

Hàn Mặc Tử, hồi ấy

Đỗ Lai Thúy

Đỗ Lai Thúy. Con mắt thơ

Tôi gặp Hàn Mặc Tử trong một hoàn cảnh tình cờ. Hồi ấy trong sinh hoạt văn học cuộc bút chiến giữa nhóm Tự Lực văn đoàn và nhà văn Nguyễn Công Hoan. Lúc đó đã xuất bản tập truyện ngắn Kép Tư Bền. Cuộc bút chiến kết thúc phần thắng lợi nghiêng về Nguyễn Công Hoan. Đa số tán thành và ủng hộ tác giả Kép Tư Bền. Sau đó để đáp lòng hâm mộ của bạn đọc các địa phương miền Trung. Ông đến Quy Nhơn. Bạn đọc nô nức đến chào đón và xin chữ ký. Tất nhiên trong đó có Tử. Vì là tác giả, và từng đứng về phía bên thua nên Tử sớm thành tri âm tri ngộ của Nguyễn Công Hoan. Không biết Tử dẫn ông đi đến những đâu, chỉ biết là sáng hôm ấy, hai người vào viếng Chùa Ông ở Bình Định. Chùa Ông lúc ấy còn có dải tường cao bao quanh cả mặt trước, ngăn cách điện tẩm, xa hẳn con đường số 1 chạy ngang. Cửa chính đóng kín, bên trong là cả một thế giới hoa cảnh mát tươi, đi vào phải thông qua cái cửa ngách. Tôi còn nhớ khi cả hai nhà văn vào sân trước, điểm trước tiên là Tử chạy đến trước cụm hoè hoa đang nở vàng chói, với tay bẻ một cành đưa cho Nguyễn Công Hoan, và họ cùng tiến lên bậc cấp của cánh cửa hông mở vào chính điện. Tôi ở nhà nghĩa tự và đang làm thơ. Ông cụ thân sinh tôi vốn là từ thừa ở đó, lên hướng dẫn hai người, sau cùng mời hai người vào xơi nước nơi nhà nghĩa tự. Tử thấy tôi cứ ngồi mặc nhiên viết, và hình như có liếc nhìn trang giấy, liền rất nhã nhặn lại ngồi bên:

- Xin quấy rầy đôi chút nhé, cậu em. À, mà cậu em đang làm thơ à?

Tôi bẽn lèn, nhưng không mất vẻ tự hào:

- Vâng, tôi đang tập tành.

- Cậu có bài đăng báo chưa.

- Có một bài trong tập Bến My Lăng.

Bỗng nhiên Tử lộ vẻ hân hoan:

- Thế thì tôi biết: Cậu là Xuân Khai. Là Yến Lan.

Rồi Tử vỗ vai tôi, nói tiếp luôn:

- Tôi là Phong Trần, là Lệ Thanh.

- Thế là rất hân hạnh được biết. Tôi đọc anh đã lâu ở báo lời thăm xuất bản ở Lòng Sông và những bài thơ anh hướng họa cùng cụ Phan Sào Nam từ năm xưa năm xưa.

Tử quay sang giới thiệu tôi với Nguyễn Công Hoan. Thế là câu chuyện quay vào cuộc bút chiến vừa qua, vào tin tức văn học, tin tức sách báo ở Hà Nội, ở Sài Gòn. Khi từ biệt, Tử không quên dặn tôi khi nào đi Quy Nhơn thì ghé lại nhà chơi, và anh để lại mảnh giấy ghi địa chỉ.

Đó là một tặng người nhã nhặn lịch thiệp. Tôi không ngờ cái bộ ngoài của một người ăn vận sang trọng, chỉnh tề: com lê tussor. D.iguon Phú Phong, mũ Panama màu trắng lụa với cavát thắt ngang cổ áo như một ông “má chín”, lại là một nhà thơ viết ra Gái quê với cả một tấm “tình quê” buông khuâng nồng đượm cũng bốc lên màu rạ vàng, sắc mạ xanh tươi.

Từ đó cứ mỗi bận có dịp đi Quy Nhơn thì tôi kết hợp đi thăm anh. Có khi kèm với Chế Lan Viên, có khi đi một mình, nhất là giai đoạn anh lâm bệnh. Anh thường tiếp chúng tôi ở số nhà 20 Khải Định. Tôi còn nhớ đây là một ngôi nhà xây để ở chứ không phải theo quy cách nhà có thể mở ra làm cửa hàng buôn bán. Nó dựng trên một khoảng đất chéo, nên hàng ba bước vào phòng chính không quay mặt ra đường. Có cổng và tường ngăn. Phòng khách bày biện ít đồ đạc. Cái tôi nhớ nhất là cái đồng hồ treo gỗ kỳ cách suốt năm tháng của nó, giữa cơn đau ốm, như người lễ sinh đứng đó không xướng lên lễ thức mà chỉ đếm thời gian, từng giọt, từng giọt, nhắc với Tử, bằng cách gây nên những xáo trộn tâm tư, có khi thăm thì báo hiệu cái cô đơn đang vây phủ xung quanh anh. Cái thứ hai là bộ ghế bành lùn, rộng và khoẻ bằng ruột mây đan. Mỗi lần chúng tôi đến, ở phòng trong ra, anh đến bắt tay từng người. Đó là lúc bệnh anh mới sơ phát, còn ở dạng nghi ngờ. Về sau thì anh chỉ chấp tay vào và khẽ khàng ngồi xuống chiếc ghế kê sát vách cửa vào phòng. Lòng ghế lót bằng một tấm

vải cũ gấp lại.

Anh đọc thơ cho chúng tôi nghe, không giải thích, rồi anh ngâm. Nếu ai đã có lần nghe anh ngâm thơ thì mới cảm thấy hết cái cảm giác kỳ lạ lần đầu bắt gặp: nôn nao, nôn nao... và cộng với lời thơ gây nên một không khí mông lung. Chúng tôi như bị dôn vào thế giới nào có suối, có đồi, có bóng dáng những cuộc hành hương, và nhạc điệu cung vãn, đồng bóng. Trông anh như cảnh liễu mùa đông đang bị cơn gió lạnh tuôn về day trở. Giọng nói của anh thì ngọt và mát như dòng sông Nhật Lệ quê anh từ thuở ấu thơ; nó đã được tiếng khen là nuôi dài tất cả những mái tóc để tăng thêm vẻ yêu kiều của lớp người sông Lũy Thầy. Trường Dục nhưng trong giọng ngâm, anh đã biến thành những chuỗi dài đau khổ, cao thấp cheo nhau như từng tia lửa bùng lên, như mảnh lụa tươi vàng bị xé vụn. Anh đã lấy xác thịt mình họa cho lời thơ. Có khi chúng tôi chảy nước mắt. Còn anh, anh đã thành một người say. Các lần ngâm thơ của anh đều diễn ra như thế vì những bài thơ ấy đều là những bài xót xa nhất. Đặc biệt là hôm anh ngâm bài Thánh nữ đồng trinh Maria. Xáo trộn trong đau thương, còn có nỗi triền miên hoan kỳ lạ. Chúng tôi có cảm giác như anh bay lên đôi cánh sải rộng ra, khi vút lặn vào mây, khi là sông bể. Có lúc tưởng như anh đang ngồi trên lưng con tuần mã phi nhanh trở về sau một chiến công, thỉnh thoảng dừng lại ngược nhìn suối thẳm, khe sâu vừa mới vượt qua.

Số là, theo anh kể lại, bạn ấy người bạn thân thiết nhất là Quách Tấn ở Nha Trang ra giới thiệu với gia đình, ông cậu của Tấn vốn là một võ sư lừng danh tên là Đoàn Phong. Ông này có mô thuốc gia truyền chữa lành nhiều người mắc bệnh phong hủi, và Tử đã được tiếp cận, được cho đơn. Thang đầu hiệu quả chưa rõ rệt đến thang thứ hai thì có biến chuyển bất ngờ. Tử ăn, ngủ thấy ngon, tâm tư thư thái, hết ngứa ngáy, tê buốt. Anh vui mừng quá, gọi mẹ, gọi chị, em, nói cười rí rít và anh bảo rằng: đó là do có Đức Mẹ Đồng Trinh, đã xui khiến anh được như vậy. Bạn ấy anh tưởng anh được thoát nạn:

“Lạy Bà là đấng trinh tuyên thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơ lâm lụy vừa trải qua dưới thế...”

Tôi không sắp xếp theo một cách có hệ thống theo khoa học những trật tự thời gian và địa điểm các cuộc lui tới thăm viếng giữa chúng tôi với Tử. Đó những cái dễ quên thường tình qua quãng cách quá dài của năm tháng, nhưng cái không thể quên không có cái gì khác làm cho quên được là cuộc thăm viếng sau cùng với Tử. Đó là cuộc vĩnh biệt ngàn thu, mặc dù anh còn sống một thời gian nữa. Một ngày se se lạnh vào cuối tiết tháng chạp, tôi và Chế Lan Viên đến số nhà 20 Khải Định như thường lệ, bà cụ thân sinh anh ra đón ở bậc cấp hàng ba ngôi nhà. Cụ vừa mếu máo vừa bảo: Tử đã được dấu ở một nơi khác. Chính quyền thành phố ra lệnh bắt đưa Tử vào Qui Hòa. Xin lưu lại vài ba ngày cũng không được. bà cụ đã gọi một em bé, theo yêu cầu của chúng tôi, dẫn đường đến đó. Hối ấy Quy Nhơn chưa mở rộng như bây giờ. Lớp người thuộc thành phần lao động, buồn thúng bán bưng và số ít công chức nghèo, nối tiếp nhau chen chúc vào trong khu động cát phía tây thành phố dựng lên nhà cửa sơ sài, tạo thành xóm dân cư đông đúc. Nhiều nhà không có nền, người đi lội trong cát. Những mái nhà xoan, tre xiêu vẹo được phủ lên những tấm mái bằng tranh rạ, thỉnh thoảng mới có nhà lợp tôn hoặc ngói vẩy. Lối đi vào theo thế đứng không trật tự của lều chái, thành ra chỗ phình, chỗ eo và quanh co hun hút. Tử ở trong nhà một lều tranh thuộc vào loại tồi tệ nhất, nhì ở đây. Tiếp chúng tôi anh ngồi ở bên trái cái bàn, nơi có lối thông ra phía sau, một ngăn ô nhỏ nhỏ kê chiếc giường chõng. Bàn là một tấm ghép hai lá gỗ thùng đặt lên một chân bàn cũ, chân kia là khúc củi còn nguyên nhánh nhóc róc rơ. Hai chân kia dựa vào hai cây trẩu chống thẳng lên mái làm cột. Đây là nhà của một bác phu xe kéo tay (hay làm lao công bốc vác gì ở đó) hôm ấy chủ nhà đi vắng. Một nỗi quạnh hiu đè nặng lên lòng. Tử có vẻ mệt nhọc, tư lự, nói ít và mỗi câu nói có vẻ trăn trở của sự cố gắng bình thân. Chúng tôi biết là anh tránh cho chúng tôi những lo phiền cho sức khỏe. Nhìn anh lại cứ nhớ mãi đến câu thơ trong bài Lưu luyến:

“ Anh đứng cách xa hàng thế giới

Lặng nhìn trong mộng miệng em cười
Em cười anh cũng cười theo nữa
Để nhấn hồn em đã tới nơi...”

Những phút in lặng nhìn nhiều hơn trò chuyện. Cho đến giờ tan tầm, khu lao động trở nên ồn ào. Em Hành đã về nhà và xách cái cà mèn từ lúc nào chúng tôi không hay, vì lúc ấy tôi và Chế Lan Viên ngồi trên khúc tre cán ngang hai chân cột làm ngạch cửa, day lưng ra phía ngoài. Và Tử ra đầu có ý bảo là đã trưa và trời nắng gắt. Hai chúng tôi đứng dậy. Mỗi người đến cầm một bàn tay anh, không dám xiết chặt vì sợ anh đau thêm cả phần thể xác. Sau này lục ra trong đồng di cảo, có bài thơ Những giọt lệ, không rõ anh viết trong cảm xúc nào, nhưng tất cả những điều anh viết trong ấy chẳng khác gì tình huống trong cuộc chia tay lần ấy với chúng tôi.

Giờ đây, tại nơi anh đã vận thất tâm hồn ra máu để viết nên những bài thơ rung động đến tận cùng sâu thẳm lòng người, tôi tưởng niệm anh, tưởng niệm một Hồn thơ. Sở dĩ tôi nhấn mạnh một chữ”hồn” vì thơ của Hàn Mặc Tử có cái thể mạnh nhất để tồn tại là cái hồn của anh.

Đỗ Lai Thúy. Con mắt thơ
H., 1997. VN/Đ: 37.190-91